TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 12/7/2023
"V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đức Chính – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc "tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Xuân G, sinh năm 1978
Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, TP. T, tỉnh Thái Nguyên
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974
Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, TP. T, tỉnh Thái Nguyên
(Anh G có mặt, chị L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà chị Loan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn với nhau ngày 31 tháng 5 năm 2002, đăng ký kết hôn Uỷ ban ND xã Đ, huyện Phú Bình, nay là thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do những bất đồng về quan điểm, cách sống của mỗi người. Chị L thường xuyên ghen tuông với anh vô cớ. Nhiều lần chị L xúc phạm cả gia đình anh và không tôn trọng mọi người. Anh G đã góp ý nhiều lần nhưng chị L không rút kinh nghiệm. Đến nay vợ chồng vẫn không thể dung hoà được, các mâu thuẫn ngày càng gay gắt, dù hai vợ chồng đã rất cố gắng hoà giải để hàn gắn và được sự khuyên răn của gia đình nhưng những mâu

thuẫn vẫn không thể thuyên giảm mà có chiều hướng ngày càng gay gắt hơn. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, mẫu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên nay Anh G làm đơn đơn khởi kiện với nguyện vọng đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giải quyết cho anh được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Mai, sinh ngày 10/9/2002 và Trần Thị Cẩm Tú, sinh ngày 18/11/2008.

Con Trần Thị Mai đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh G có nguyện vọng để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Cẩm Tú cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và các văn bản tố tụng do Toà án lập chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L công nhận thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn đúng như Anh G khai. Quá trình chung sống do không hợp nhau nên vợ chồng xảy ra nhiều khúc mắc. Từ năm 2023 vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Nay Anh G có đơn ly hôn chị vì thương con nên chấp nhận sống ly thân chứ không muốn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như Anh G đã khai, nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con Cẩm Tú đến khi đủ 18 tuổi. Con Trần Thị Mai đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và Anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Trần Thị Cẩm Tú trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án vì vậy phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tiếp nhận đơn của Tòa án, việc thụ lý đơn khởi kiện và quá trình giải quyết của Hội đồng xét xử và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326 của Quốc hội, giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân G, cho Anh G được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Mai, sinh ngày 10/9/2002 và Trần Thị Cẩm Tú, sinh ngày 18/11/2008.

Cháu Trần Thị Mai đã trưởng thành nên chị L và Anh G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Giao con Trần Thị Cẩm Tú cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

Về sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

Về án phí: Anh G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị L hiện đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, căn cứ vào điểm a khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, bị đơn chị L vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng chị L vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân G và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn với nhau năm năm 2002 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Phú Bình nay là thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đủ điều kiện được công nhận hôn nhân hợp pháp. Anh G xác định nguyên nhân là do những bất đồng về quan điểm, cách sống của mỗi người. Chị L thường ghen tuông với anh vô cớ, vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay Anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, anh có nguyện vọng xin được ly hôn với chị L. Chị L xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau nên xảy ra nhiều khúc mắc, từ năm 2023 vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau do chị thương con nên Anh G có đơn ly hôn chị không nhất trí.

Anh G và chị L đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do thương con nên chị L không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế trong cuộc sống vợ chồng anh, chị đã xảy ra những mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không có sự quan tâm tới nhau và từ khi Anh G có đơn ly hôn nộp tại Tòa chị L cũng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng nên Anh G vẫn không thay đổi tình cảm, kiên quyết ly hôn với mong muốn sớm ổn định lại cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm Anh G và chị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, chấp nhận đơn ly hôn của Anh G, cho Anh G được ly hôn với chị L như vậy là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Mai, sinh ngày 10/9/2002 và Trần Thị Cẩm Tú, sinh ngày 18/11/2008.

Cháu Trần Thị Mai đã trưởng thành nên chị L và Anh G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh G và chị L đều có nguyện vọng chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thị Cẩm Tú cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Xét thấy, cần đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ nhỏ trên cơ sở sự thoả thuận của chị L, Anh G và nguyện vọng của cháu Tú nên giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81Luật hôn nhân và gia đình.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị L và Anh G không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác

[5] Về án phí: Anh G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân G, cho Anh G được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao con Trần Thị Cẩm Tú cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L và Anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do Anh G và chị L không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác

4. Về án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000836 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Anh G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh; chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND t. Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- THADSTP Thái Nguyên;
- UBND xã Đ, TP.TN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND t. Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
-THADSTP Thái Nguyên;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Tân Quang,
Thành phố Sông Công;
- Lưu HS.

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND xã Quảng Minh, h.Việt Yên, t.Bắc Giang;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND P.Tích Lương;
- Lưu HS.

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(phường Cam Giá, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Anh Thư

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(xã Hồng Tiến,Phổ Yên, TN);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

Mai Thị Hồng Thái